

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HS-ST

Ngày 11-9-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH I BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hải Yên
2. Ông Nguyễn Công Tụ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị H, sinh ngày 21/8/1996 tại xã A, huyện Q, tỉnh B; đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn G, xã O, huyện Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Vũ Trọng I (đã chết) và bà: Phạm Thị Ǻ, sinh năm 1975; chồng: Đỗ Văn U, sinh năm 1991; con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2018, chuyển tạm giam ngày 08/6/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B(có mặt).

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/12/1977; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn I, sinh năm 1950 và bà Tống Thị M, sinh năm 1955; có chồng đã ly hôn; con: Có 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2018, chuyển tạm giam ngày 08/6/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B(có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh B

- Anh Bùi Xuân R, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh H

Người chứng kiến:

- Ông Vũ Công C, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Q, tỉnh B.

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh B

- Chị Phạm Thị P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh B

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh B.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/6/2018, tại khu vực cây xăng Kim Long thuộc địa phận thôn S, xã A, huyện Q, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện Nguyễn Thị T có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy đã yêu cầu về trụ sở UBND xã A để làm việc. Kiểm tra túi xách của T phát hiện có 01 túi nilon chứa các hạt tinh thể trong suốt, T khai là ma túy đá của T và Vũ Thị H mua về sử dụng chung. Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản niêm phong vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý chiếc túi xách theo quy định của pháp luật. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T không phát hiện, thu giữ gì.

Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 05/6/2018 tại khu vực cánh đồng thôn B, xã H, huyện Q, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện Vũ Thị H có hành vi bán trái phép chất ma túy cho anh Nguyễn Ngọc V đã yêu cầu về trụ sở UBND xã H để làm việc. Kiểm tra thu giữ tại túi quần bên phải, phía sau anh V đang mặc 01 gói nhỏ nghi là ma túy có đặc điểm: Bên ngoài được quấn băng dính màu đen, bên trong là lớp giấy màu vàng gói chất bột màu trắng dạng cục, V khai là ma túy mua của H giá 400.000 đồng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Thị H không thu giữ gì liên quan đến tội phạm về ma túy.

Bản kết luận giám định số 218/KLGD-PC54, ngày 05/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: *Mẫu gửi giám định thu của Nguyễn Thị T là ma túy, loại methamphetamine, có khối lượng 0,5844 gam*

Methamphetamine STT: 323, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

Bản kết luận giám định số 219/KLGD-PC54, ngày 05/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: *Mẫu gửi giám định thu của Nguyễn Ngọc V là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,0331 gam*

Heroin STT: 09, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q ra Quyết định nhập vụ án số 01 ngày 12/6/2018.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị T đều khai nhận: H và T là quan hệ bạn bè, ngày 03/6/2018, H đến nhà T chơi, chiều ngày 04/6/2018, T đưa H về nhà mẹ đẻ ở thôn I, xã A, huyện Q để H tự cai nghiện và T ngủ tại đó. Khoảng 10 giờ ngày 05/6/2018, Nguyễn Ngọc V đến hỏi H mua ma túy, V đưa cho H 400.000 đồng, H nhận tiền rồi hẹn giao ma túy cho V tại khu vực cây xăng thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Q. H và anh V trao đổi việc mua bán ở ngoài ngõ, T ở trong nhà nên không biết. Sau khi nhận tiền của V, H rủ T lên thị trấn C, huyện Q chơi, H lấy xe mô tô loại Honda cup, không biển kiểm soát chở T đến khu vực thôn C, xã H, huyện Q bảo T đứng chờ còn H đi vào ngõ nhỏ mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi, không quen biết 01 gói ma túy giá 200.000 đồng rồi điều khiển xe đến chỗ T đứng chờ và bảo T đi ra Cầu Nghìn mua ma túy đá về dùng. Trên đường đi, H bảo T góp 50.000 đồng mua gói 300.000 đồng sử dụng chung, T đồng ý. Khi qua Cầu Nghìn H dừng xe, T đưa cho H 50.000 đồng, H bảo T đứng ngoài trông xe rồi đi bộ vào một ngõ nhỏ mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi không quen biết 300.000 đồng 01 gói ma túy đá. H điều khiển xe chở T về khu vực cây xăng Kim Long, xã A, huyện Q và đưa gói ma túy đá cho T cầm, bảo T đứng chờ còn H điều khiển xe đến khu vực cây xăng thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Q gặp V. H đưa cho V 01 gói ma túy, V nhận gói ma túy bỏ vào túi quần phía sau bên phải đang mặc thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc V khai, do nghiện ma túy nên sáng ngày 05/6/2018, anh đến nhà mẹ đẻ bị cáo H nhờ bị cáo H mua 400.000 đồng ma túy loại heroin để sử dụng. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, theo như đã hẹn bị cáo H giao ma túy cho anh tại cây xăng thôn B, xã H, huyện Q, khi H vừa giao gói ma túy cho anh thì bị Công an huyện Q phát hiện; anh Bùi Xuân R khai, anh có cho Vũ Thị H là em vợ mượn

xe mô tô để làm phương tiện đi lại, anh không biết việc H mua bán, tàng trữ ma túy, chiếc xe anh cho H mượn là xe anh mua của người bán sắt vụn anh không biết tên, địa chỉ với giá 500.000 đồng vào khoảng tháng 4/2018 để đi lại, khi mua xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ gì, anh không có nhu cầu xin lại xe.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKSQP ngày 22/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh B truy tố Vũ Thị H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Nguyễn Thị T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Thị H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, Nguyễn Thị T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự phạt bị cáo H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 58, 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H và bị cáo T, phạt bị cáo H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Thị H phải chấp hành từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 6 tháng tù; thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 05/6/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu toàn bộ vật chứng là ma túy thu của Nguyễn Ngọc V và bị cáo Nguyễn Thị T được hoàn trả sau giám định và 01 túi xách của bị cáo Nguyễn Thị T để tiêu hủy; tịch thu để hóa giá sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô quản lý của bị cáo Vũ Thị H; buộc bị cáo Vũ Thị H nộp lại 200.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức hành vi là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thừa nhận, do nghiện ma túy nên đã đi mua ma túy mục đích sử dụng cho bản thân, sau khi mua được ma túy, chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ. Riêng đối với bị cáo Vũ Thị H ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cùng bị cáo T còn có hành vi nhận tiền của Nguyễn Ngọc V đi mua ma túy về bán lại cho V để kiếm lời. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Q lập ngày 05/6/2018, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 05/6/2018, tại khu vực cây xăng Kim Long thuộc địa phận thôn S, xã A, huyện Q, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q bắt quả tang Nguyễn Thị T có hành vi cất giấu trong túi xách của T 0,5844 gam Methamphetamine đây là ma túy của Nguyễn Thị T và Vũ Thị H góp tiền mua về sử dụng chung. Hành vi của Nguyễn Thị T và Vũ Thị H đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; khoảng 12 giờ 10 phút ngày 05/6/2018, tại khu vực cây xăng thuộc địa phận thôn B, xã H, huyện Q, Vũ Thị H có hành vi bán trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,0331 gam cho Nguyễn Ngọc V lấy 400.000 đồng, bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q bắt quả tang, hành vi của Vũ Thị H đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận bị cáo Vũ Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Vũ Thị H và Nguyễn Thị T đồng phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, là căn nguyên phát sinh các loại tội phạm khác, ngoài ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị

cáo Vũ Thị H còn reo rắc cái chết trắng cho con người, gây dư luận bất bình trong nhân dân; các bị cáo đều hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội. Trong vụ án này, Vũ Thị H và Nguyễn Thị T đồng phạm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo H là người khởi xướng và trực tiếp mua ma túy đá để hai bị cáo sử dụng chung, số tiền bị cáo H bỏ ra để mua ma túy cũng nhiều hơn bị cáo T (bị cáo H 250.000 đồng, bị cáo T 50.000 đồng), vì vậy bị cáo H giữ vai trò chính, bị cáo T khi được rủ thì nhất trí góp tiền và đi cùng H để mua ma túy, do đó bị cáo H phải chịu mức án cao hơn bị cáo T là có căn cứ.

Đối với tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” bị cáo Vũ Thị H phạm tội độc lập nên phải chịu hình phạt đối với tội phạm này và tổng hợp hình phạt với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị T như đã phân tích trên.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng cần lên mức án tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra và việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự cùng quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, như vậy các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, đối với bị cáo Nguyễn Thị T, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo T tại phiên tòa cho thấy bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T. Đối với bị cáo Vũ Thị H trong tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã mua ma túy để bán với mục đích kiếm lời, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H để bị cáo thấy được ý nghĩa của đồng tiền có được từ lao động chân chính, như mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[6] Do không có căn cứ xác định những người đã bán ma túy cho bị cáo Vũ Thị H nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với anh Nguyễn Ngọc V là người mua trái phép chất ma túy của bị cáo H mục đích để sử dụng cho bản thân, do trọng lượng ma túy chưa đến mức truy

cứu trách nhiệm hình sự, bản thân anh V chưa có tiền án về tội phạm ma túy, do đó Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã xử phạt hành chính là có căn cứ.

Anh Bùi Xuân R cho bị cáo H mượn xe mô tô, H dùng xe này làm phương tiện đi mua, bán ma túy nhưng bị cáo H không cho anh R biết việc mua bán ma túy của mình nên cơ quan Điều tra không xử lý đối với anh R là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo T 01 túi nilon chứa các hạt tinh thể trong suốt, kết quả giám định là ma túy loại Methamphetamine; thu của Nguyễn Ngọc V 01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại heroin và hoàn trả mẫu vật sau giám định; chiếc túi xách của T dùng đựng ma túy giá trị không đáng kể, cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy và chiếc túi xách trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe Honda cup màu xanh, không biển kiểm soát, không có giấy đăng ký bị cáo Vũ Thị H dùng làm phương tiện để đi mua bán ma túy, quá trình điều tra xác định là xe H mượn của anh Bùi Xuân R, anh R mua xe của người bán sắt vụn không biết tên, địa chỉ giá 500.000 đồng, anh không có nhu cầu nhận lại xe. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q đã có quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy của chiếc xe, kết quả cho thấy: Hàng chữ số đóng trên khung và đóng trên máy xe đều bị tẩy xóa toàn bộ, không đủ điều kiện để kết luận, do đó không có cơ sở xác định chủ sở hữu, cần tịch thu để hóa giá sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 400.000 đồng bị cáo H nhận của anh Nguyễn Ngọc V, bị cáo đã mua ma túy để bán cho anh V hết 200.000 đồng, như vậy H đã thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Vũ Thị H 02 (*Hai*) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị H 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 58, 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Vũ Thị H 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Thị H phải chấp hành 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 58, 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2018.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,5475 gam (*Không thấy năm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm gam*) mẫu gửi giám định và bao gói được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 218/KLGD-PC54; 0,0250 gam (*Không thấy không nghìn hai trăm năm mươi gam*) mẫu gửi giám định và bao gói được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 219/KLGD-PC54 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B và 01 túi xách bằng nhựa màu nâu sẫm, có dây đeo dài 1,2m, kích thước (22x14)cm của bị cáo Nguyễn Thị T.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Vũ Thị H mượn của anh Bùi Xuân R làm phương tiện đi mua bán ma túy, là loại xe Honda cup màu xanh, không biển kiểm soát, không có giấy đăng ký.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B ngày 23/8/2018.

Buộc bị cáo Vũ Thị H nộp lại số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) thu lợi bất chính để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, các bị cáo Vũ Thị H, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên
(đã ký)**